

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ PHƯỚC LONG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Bản án số: **09/2022/HS-ST**

Ngày 29 – 3 - 2022

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHƯỚC LONG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- *T3nh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Ánh Nguyệt

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Du

2. Bà Mai Thị Huyền

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Trần Thanh Tùng – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phước Long tham gia phiên tòa:*
Ông Nguyễn Phúc Vinh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phước Long xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 01/2022/TLST-HS ngày 11 tháng 01 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2022/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 02 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2022/QĐST-HS ngày 14 tháng 3 năm 2022, đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn P (tên gọi khác: T C); sinh năm 1992; tại: Bình Phước.
HKTT: khu phố 5, phường L, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 06/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn C và bà Đỗ Thị N; có vợ tên Tạ Thị H (đã ly hôn) và hai người con (lớn nhất sinh năm 2010, nhỏ nhất sinh năm 2011); tiền án: ngày 11/3/2021 bị Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước xử phạt 02 (hai) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo bản án số 12/2021/HS-ST, chấp hành án từ ngày 12/5/2021; tiền sự: không; nhân thân: ngày 22/4/2015 bị Tòa án nhân dân thị xã Phước Long xử phạt 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo Bản án số 18/2015/HSST; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Hoàng Phi T1 (tên gọi khác: T1 Đ); sinh năm: 1991; tại: Bình Phước.

HKTT: khu phố Phước Sơn, phường Phước Bình, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Thiên Chúa Giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn Đ và bà Nguyễn Thị H1; bị cáo có vợ: Lê Bích T2 (không đăng ký kết hôn), sinh năm 1995 và 01 một người con sinh năm 2016; tiền án: Ngày 09/4/2018 bị Tòa án nhân dân thị xã Phước Long xử phạt 24 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản theo Bản án số 25/2018/HSST; tiền sự: không; nhân thân: ngày 11/4/2014 bị Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước xử phạt 02 năm tù có thời hạn về tội tàng trữ trái phép chất ma túy theo Bản án số 19/2014/HSST; bị bắt tạm giam ngày 30/9/2021 cho đến nay; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Đoàn T3 (tên gọi khác: B); sinh năm: 1994; tại: Bình Phước.

HKTT: khu phố 2, phường T, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước; Chỗ ở hiện nay: thôn L, xã G, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 04/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Thiên Chúa Giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đoàn Minh N1 và bà Lê Thị G (đã chết); bị cáo có vợ tên Lê Thị Cẩm N2; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 04/10/2021 đến ngày 29/12/2021 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn cho gia đình bảo lãnh; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại: Chị Lê Thị Thanh Q, sinh năm: 1992, trú tại: Thôn 8, xã H, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước. Có mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Chị Nguyễn Thị Bích T4, sinh năm: 1998, trú tại: khu phố 1, phường L, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước. Vắng mặt.

Người làm chứng:

- Anh Hồ Văn H2, sinh năm: 1984, trú tại: khu phố 2, phường L, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước. Vắng mặt.

- Chị Nguyễn Thị Bích D, sinh năm: 2001, trú tại: khu phố 1, phường L, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, bản cáo trạng và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ ngày 08/5/2021, Nguyễn Văn P đi bộ từ nhà đến khu vực phía trước trường cấp 3 Phước Bình thuộc khu phố 5, phường L thì thấy cửa hàng bán quần áo “JISTORE” đóng cửa và không có người trông coi nên P nảy sinh ý định trộm cắp tài sản bán lấy tiền tiêu xài. P đi đến bên hông cửa của shop “JISTORE” thì phát hiện cửa sổ làm bằng thanh Inox nên P lấy 01 cây gỗ ở vỉa hè gần đó dài khoảng 02 mét rồi bẫy thanh Inox cửa sổ ra rồi P chui vào bên trong thì phát hiện có nhiều tài sản nên đã lấy 02 túi nilon cho quần áo, váy, dép, túi xách,

móc treo đồ vào 02 túi nilon này, P tiếp tục lấy 01 ti vi hiệu Sony, màu đen treo trên kệ vào 01 máy hút bụi màu đen hồng hiệu Electrolux. Sau đó P mang những tài sản đã trộm cắp được ra bụi cây đối diện shop “JISTORE” cất giấu và đi bộ đến Trung tâm thương mại Phước Bình thuê xe ô tô taxi 04 chỗ của anh Hồ Văn H2 tới chỗ cất giấu tài sản chiếm đoạt được lên xe ô tô chờ về nhà Đoàn T3 tại thôn L, xã G, thị xã Phước Long. Khi đến nhà T3 Phước nói với T3 mới lấy trộm được rất nhiều đồ ở khu phố 5, phường L và hỏi T3 có mua không thì T3 đồng ý mua với giá 5.000.000 đồng, sau đó P đi về nhà. Đến khoảng 18 giờ ngày 09/5/2021 P đến nhà T3 yêu cầu T3 trả thêm tiền nhưng T3 không đồng ý. Lúc này, Hoàng Phi T1 chạy xe đến nhà T3 chơi thì chứng kiến sự việc trên, sau đó T1 chở P về, trên đường về P kể cho T1 nghe việc lấy trộm được rất nhiều quần, áo, giày, dép, túi xách, móc treo đồ, máy hút bụi và ti vi trong shop đồ thuộc khu phố 5, phường L đã bán cho T3 với giá 5.000.000 đồng, P nói với T1 có tiền xuống mua lại đồ của T3 về dùng.

Sau khi chở P về T1 đến gặp Nguyễn Thị Bích T4 tại khu phố 1, phường L mượn T4 5.000.000 đồng để mua lại đồ về dùng. Khi đó T1 nói với T4 “đồ này của P mua lại của người em giờ không sử dụng nữa nên bán lại”, rồi T1 cùng T4 đi đến nhà của T3 để mua đồ mà P trộm cắp được bán cho T3 thì T3 đồng ý. Sau đó T1 mang toàn bộ tài sản trên đến nhà mẹ của T4 để cất giấu, T1 để lại 01 máy hút bụi để sử dụng.

Đến khoảng 23 giờ cùng ngày P đến nhà T4 thì gặp T1, lúc này biết được T1 đã mua lại số tài sản trên từ T3 nên P yêu cầu T1 đưa thêm 1.500.000 đồng thì T1 đồng ý và đưa số tiền trên cho P.

Ngày 10/5/2021, chị Lê Thị Thanh Q phát hiện mất tài sản nên đã đến Cơ quan Công an để trình báo

Vật chứng thu giữ: 106 bộ quần áo, váy, giày, dép, túi xách, móc treo quần áo, 01 tivi hiệu Sony màu đen, MODEL.NO.KDL-40R350D, SER.NO.3404294 và một máy hút bụi màu đen hồng, hiệu Electrolux, trên thân máy có dòng chữ 18VHD ERGO RAPIDO ALLERGY.

Căn cứ Bản kết luận định giá tài sản số 19 ngày 05/6/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thị xã Phước Long kết luận: tại thời điểm ngày 05/6/2021 giá trị tài sản quần, áo, giày, dép, túi xách và móc treo đồ có giá trị là: 24.823.000 đồng.

Căn cứ Bản kết luận định giá tài sản số 39 ngày 22/10/2021: 01 máy hút bụi màu đen hồng, hiệu Electrolux, trên thân máy có dòng chữ 18VHD ERGO RAPIDO ALLERGY có giá trị: 3.500.000 đồng; 01 ti vi hiệu Sony, màu đen, MODEL.NO.KDL-40R350D, SER.NO.3404294 có giá trị: 3.160.000 đồng. Tổng cộng giá trị yêu cầu định giá tài sản là: 6.660.000 đồng.

Tổng cộng giá trị tài sản mà P chiếm đoạt là: 31.483.000 đồng.

Ngày 30/9/2021, Nguyễn Văn P, Hoàng Phi T1 và Đoàn T3 bị khởi tố bị can để điều tra.

Cáo trạng số 02/CT-VKS ngày 10 tháng 01 năm 2022, Viện kiểm sát Nhân dân thị xã Phước Long đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn P về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự; truy tố các bị cáo Đoàn T3 và Hoàng Phi T1 về “Tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát thực hiện quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Nguyễn Văn P về tội “Trộm cắp tài sản”; bị cáo Đoàn T3 và Hoàng Phi T1 về “Tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 38, Điều 50, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo P mức án từ 30 (Ba mươi) đến 36 (Ba mươi sáu) tháng tù; đề nghị áp dụng Điều 56 Bộ luật hình sự để tổng hợp với hình phạt 02 (hai) năm tù theo bản án số 12/2021/HS-ST ngày 11/3/2021 của Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước đối với bị cáo P.

Áp dụng khoản 1 Điều 323; Điều 38, Điều 50; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo T1 mức án từ 12 (Mười hai) đến 15 (Mười lăm) tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo T3 mức án 09 (Chín) đến 12 (Mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách từ 01 (Một) đến 02 (Hai) năm.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị ghi nhận sự thỏa thuận giữa các bị cáo và bị hại về việc các bị cáo có nghĩa vụ liên đới bồi thường thiệt hại cho bị hại số tiền 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng) do có thất thoát số hàng không thu hồi được.

Ý kiến của người bị hại Lê Thị Thanh Q: Số tài sản gồm quần, áo, giày, dép, túi xách, móc treo đồ, 01 máy hút bụi, 01 ti vi hiệu Sony đã được Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Phước Long trả lại cho bị hại. Thực tế có thất thoát số hàng không thu hồi được, nên bị hại yêu cầu các bị cáo phải có nghĩa vụ liên đới bồi thường thêm số tiền 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng).

Các bị cáo tự bào chữa: Bị cáo thành khẩn khai báo, thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã truy tố; các bị cáo thống nhất đồng ý có nghĩa vụ liên đới bồi thường thêm số tiền 5.000.000đ/người và không có ý kiến tranh luận gì với phần luận tội của Kiểm sát viên.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo rất ăn năn về hành vi phạm tội của mình, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Căn cứ vào những chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở nghiên cứu đầy đủ, toàn diện ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã Phước Long, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phước Long, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Căn cứ vào lời khai nhận tội của các bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng về thời gian, địa điểm, hành vi phạm tội của bị cáo, đồng thời phù hợp với kết luận giám định cùng các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập lưu trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Vì mục đích tư lợi cá nhân nên vào ngày 08/5/2021, bị cáo Nguyễn Văn P đã thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của bị hại Lê Thị Thanh Q là 106 bộ quần áo, váy, giày, dép, túi xách, móc treo quần áo, 01 tivi hiệu Sony màu đen và 01 máy hút bụi màu hồng hiệu Electrolux, tổng trị giá bị cáo chiếm đoạt 31.483.000 đồng. Mặc dù bị cáo Đoàn T3 biết số tài sản bao gồm 106 bộ quần áo, váy, giày, dép, túi xách, móc treo quần áo là tài sản do P phạm tội mà có nhưng bị cáo T3 vẫn đồng ý tiêu thụ sản phẩm cho P rồi bán lại cho bị cáo Hoàng Phi T1, trước khi mua bị cáo T1 cũng biết đây là tài sản do P phạm tội mà có nhưng vẫn đồng ý tiêu thụ số tài sản trên.

Trước khi tiêu thụ tài sản do P thực hiện hành vi phạm tội mà có, các bị cáo P, T3 và T1 không có sự hứa hẹn, thỏa thuận trước với nhau.

Hành vi của bị cáo P đã đủ yếu tố cấu thành “Tội trộm cắp tài sản”, hành vi của bị cáo T3, T1 đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Vì vậy, Viện kiểm sát truy tố và luận tội bị cáo P theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự và các bị cáo T3, T1 theo khoản 1 Điều 323 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, hành vi của bị cáo P đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ; hành

vi của các bị cáo T3, T1 đã xâm phạm vào trật tự an toàn công cộng, gây khó khăn cho việc phát hiện, điều tra, xử lý người phạm tội, gián tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác; ngoài ra hành vi của các bị cáo còn gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an xã hội ở địa phương. Các bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật, nhưng vì mục đích tư lợi cá nhân các bị cáo đã cố ý thực hiện. Do đó, xét cần xử phạt các bị cáo mức hình phạt thật nghiêm, tương xứng với hành vi và hậu quả do các bị cáo gây ra là cần thiết, nhằm giáo dục các bị cáo cố ý thức tôn trọng pháp luật, tôn trọng tài sản của người khác và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và tổng hợp hình phạt:

Do bị cáo P và T1 đã bị kết án nhưng chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội vào ngày 08/5/2021 nên bị cáo P và T1 phải chịu tình tiết tăng nặng “Tái phạm” được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Bị cáo T3 không có tình tiết tăng nặng.

Bị cáo P có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như: “Thành khẩn khai báo”, “đã tự nguyện bồi thường một phần thiệt hại” được quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Bị cáo T1 có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như: “Thành khẩn khai báo”, “đã tự nguyện bồi thường thiệt hại” được quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Bị cáo T3 có các tình tiết giảm nhẹ “Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng”, “Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Các bị cáo P, T1, T3 có chung một tình tiết giảm nhẹ “tài sản đã được thu hồi trả lại cho bị hại; người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt” được quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Hiện bị cáo P đang chấp hành bản án số 12/2021/HS-ST ngày 11/3/2021 của Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước xử phạt 02 (hai) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Do vậy, cần áp dụng khoản 2 Điều 56 Bộ luật hình sự để tổng hợp hình phạt đối với bị cáo P.

[5] Xét tính chất hành vi và hậu quả do của bị cáo P, bị cáo T1 gây ra là nghiêm trọng, bị cáo P, T1 có nhân thân xấu, đã nhiều lần bị kết án, riêng bị cáo P là người thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, bản thân bị cáo P vào ngày 11/3/2021 vừa bị Tòa án nhân dân thị xã Phước Long xử phạt 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học, rèn luyện bản thân mà lại tiếp tục phạm tội chứng tỏ các bị cáo rất xem thường pháp luật. Do đó, cần xử lý với mức án thật nghiêm để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Với phân tích và nhận định nêu trên Hội đồng xét xử nhận thấy cần phải cách ly bị cáo P, T1 ra khỏi xã hội một thời gian để giáo dục đối với các bị cáo, tạo điều

kiện cho các bị cáo có thời gian cải tạo để thay đổi bản thân T3nh người có ích cho gia đình và xã hội, nhằm nâng cao ý thức đấu tranh phòng chống các tội phạm và phòng ngừa chung cho xã hội là điều cần thiết.

Xét, bị cáo T3 có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự qui định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự, có nơi cư trú rõ ràng nên không cần thiết áp dụng hình phạt tù cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội mà cần áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự cho bị cáo được hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách, giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo.

[6] Về vật chứng: 106 bộ quần áo, váy, giày, dép, túi xách, móc treo quần áo, 01 tivi hiệu Sony màu đen, MODEL.NO.KDL-40R350D, SER.NO.3404294 và một máy hút bụi màu đen hồng, hiệu Electrolux, trên thân máy có dòng chữ 18VHD ERGO RAPIDO ALLERGY là tài sản hợp pháp của bị hại, Cơ quan điều tra Công an thị xã Phước Long đã xử lý trả lại cho chị Q là đúng, nên không xem xét lại.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, các bị cáo và bị hại thống nhất về việc các bị cáo có nghĩa vụ liên đới bồi thường cho bị hại số tiền 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng), mỗi bị cáo P, T1, T3 bồi thường là 5.000.000đ (Năm triệu đồng). Bị cáo P đã bồi thường 1.000.000đ (Một triệu đồng), bị cáo T1 đã bồi thường 5.000.000đ (Năm triệu đồng), bị cáo T1 đã bồi thường xong. Đây là sự tự nguyện thỏa thuận giữa các bị cáo và bị hại, nên Hội đồng xét xử ghi nhận về việc bị cáo P còn phải tiếp tục bồi thường cho bị hại số tiền 4.000.000đ (Bốn triệu đồng), bị cáo T3 phải bồi thường cho bị hại số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng).

[8] Do các bị cáo không có công việc, thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

[9] Về quan điểm của Kiểm sát viên về tội danh, hình phạt đối với các bị cáo là có căn cứ, phù hợp với qui định pháp luật, phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được ghi nhận.

[10] Đối với Nguyễn Thị Bích T4 là người cho bị cáo T1 mượn tiền và đi cùng T1 mua tài sản nhưng T4 không biết nguồn gốc đồ là do trộm cắp tài sản mà có nên không có căn cứ xử lý hình sự đối với T4. T4 cũng không yêu cầu T1 trả số tiền cho T1 mượn nên Hội đồng xét xử không xét.

[11] Về án phí: Các bị cáo PH2 chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn P (T C) phạm “Tội trộm cắp tài sản”.

Về hình phạt: Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52; các Điều 17, 32, 38, 50, 55, 56 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn P 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù; Tổng hợp hình phạt 02 (Hai) năm tù tại bản án số 12/2021/HS-ST ngày 11/3/2021 của Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước; Buộc bị cáo pH2 chấp hành hình phạt chung là 04 (Bốn) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 12/5/2021, được khấu trừ ngày bị tạm giữ từ ngày 14/8/2020 đến ngày 20/8/2020.

1.2. Tuyên bố bị cáo Hoàng Phi T1 (T1 Đ) phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Về hình phạt: Căn cứ khoản 1 Điều 323; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52; các Điều 17, 32, 38, 50 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Hoàng Phi T1 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 04/10/2021.

1.3. Tuyên bố bị cáo Đoàn T3 phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Về hình phạt: Căn cứ khoản 1 Điều 323, Điều 50; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015

Xử phạt bị cáo Đoàn T3 01 (Một) năm tù cho hưởng án treo thời gian thử thách 02 (Hai) năm kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Đoàn T3 về Ủy ban nhân dân phường T, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước quản lý, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì phải thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 46 Bộ luật tố tụng hình sự; các Điều 584, 585, 586, 589 của Bộ luật dân sự.

Ghi nhận sự thỏa thuận giữa các bị cáo và bị hại về việc bị cáo P có nghĩa vụ bồi thường cho bị hại số tiền 4.000.000đ (Bốn triệu đồng), bị cáo T3 phải bồi thường cho bị hại số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng).

3. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm;

bị cáo P, T3 phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ **các điều 331, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự**.

Các bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Bình Phước;
- VKSND thị xã Phước Long;
- Chi cục THADS thị xã Phước Long;
- Bị cáo; Bị hại; Người có QLNVLQ;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Nguyễn Trần Ánh Nguyệt